

Những triển vọng và cơ hội chuyển đổi xanh hóa ngành Dệt May Việt Nam

ThS. LÊ THỊ HƯƠNG

Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

Tiếp nối bài Kinh nghiệm của một số quốc gia và các xu hướng tiến tới sự bền vững toàn cầu trong ngành Dệt May đã đăng trên số 7/2021, Tạp chí tiếp tục đăng tải bài Những triển vọng và cơ hội chuyển đổi xanh hóa ngành Dệt May Việt Nam để thấy được những thách thức và nỗ lực của ngành trong việc thực hiện trách nhiệm xã hội đối với môi trường.

Dệt May là một trong những ngành kinh tế chủ lực và xuất khẩu hàng đầu của Việt Nam. Năm 2019, ngành đóng góp 15% tổng kim ngạch xuất khẩu, với giá trị trên 39 tỷ đô la Mỹ. Năm 2020, toàn ngành Dệt May đạt kim ngạch xuất khẩu là 35 tỷ USD, giảm 10% so với năm 2019, do ảnh hưởng bởi dịch bệnh COVID-19. Mặc dù vậy, Dệt May cũng là một ngành có tác động lớn tới môi trường với một số khâu trong chuỗi cung ứng tiêu thụ nguồn nước và năng lượng rất lớn, đồng thời xả nước thải có hàm lượng chất ô nhiễm nặng từ hóa chất. Để chấp hành chủ trương, chính sách pháp luật của Nhà nước về BVMT và đáp ứng các yêu cầu của thị trường, ngành Dệt May Việt Nam đang từng bước chuyển đổi xanh hóa hướng tới sản xuất và phát triển bền vững.

DẤU CHÂN MÔI TRƯỜNG CỦA NGÀNH DỆT MAY

Trong quá trình sản xuất, ngành Dệt May thường liên quan tới các hoạt động như khai thác, sử dụng nhiều nước và xả nước thải ở mức độ cao, tiêu thụ nhiều năng lượng cho các công đoạn gia nhiệt và tạo hơi nước, vì vậy gây tác động đáng kể đến tài nguyên nước và phát thải khí nhà kính. Sự chuyển đổi xanh hóa ngành Dệt May sẽ giúp tiết kiệm chi phí sản xuất, giảm nhẹ sự phụ thuộc vào tài nguyên thiên nhiên, cũng như giảm thiểu các ảnh hưởng bất lợi của quá trình sản xuất đến môi trường.

Mặc dù, hiện nay, Việt Nam chưa có dữ liệu chính thức nào về kiểm kê năng lượng và nước tiêu hao cho tất cả các doanh nghiệp sản xuất của ngành, nhưng theo Hiệp hội Dệt May Việt Nam (VITAS) và USAID, ngành đã chi khoảng 3 tỷ USD mỗi năm cho tiêu thụ năng lượng. Thống kê cho thấy, Dệt May chiếm

khoảng 8% nhu cầu năng lượng của toàn bộ ngành công nghiệp và phát thải khoảng 5 triệu tấn CO₂ mỗi năm.

Đặc biệt, các quy trình xử lý ướt hàng Dệt May (sợi, vải và hàng may) có dấu chân môi trường bất lợi nhất vì sự thâm dụng nước cho các khâu giặt, giũ, tiền xử lý, nhuộm và hoàn tất. Nước thải xả ra với lưu lượng lớn và chứa nhiều hóa chất sau các quy trình xử lý. Nhiều loại hóa chất có thể được dùng trong sản xuất như thuốc nhuộm có chứa azo, PFOS và PFAS (các chất per- và poly-fluoro-alkyl) làm chất chống thấm nước, deca-BDEs làm chất chống cháy và clo để tẩy trắng. Những chất như vậy đều có tác động nghiêm trọng đến môi trường, an toàn và sức khỏe con người. Trong các cơ sở nhuộm và hoàn tất, tùy vào trình độ công nghệ và trang thiết bị, trung bình tiềm năng tiết kiệm tính mỗi tấn sản phẩm là khoảng 0,2 đến 0,5 kg thuốc nhuộm; 100 - 200 kg hóa chất và các chất phụ trợ; 50 - 100 m³ nước; giảm tiêu thụ khoảng 150 kg dầu và 50 - 150 KWh điện.

CƠ HỘI CHUYỂN ĐỔI XANH ĐỐI VỚI NGÀNH DỆT MAY VIỆT NAM

Tính đến thời điểm hiện nay, trong ngành có 70% là doanh nghiệp may, 6% là sợi, 17% là dệt, 4% là nhuộm và hoàn tất, còn lại 3% là các đơn vị phụ trợ. Trong số đó, 85% doanh nghiệp may là gia công CMT (cắt-may-làm sạch) và 15% là thực hiện FOB, tức là doanh nghiệp chủ động từ



▲ *Đổi mới công nghệ sản xuất là giải pháp then chốt để chuyển đổi xanh hóa ngành Dệt May*

nguồn hàng, máy móc, chi phí, nhân công cho tới khi chuyển hàng ra ngoài cảng biển.

Hiện tại có một số xu thế và thực tiễn được xem là cơ hội tốt để thúc đẩy chuyển đổi xanh đối với ngành Dệt May Việt Nam. Đó là sự dịch chuyển chuỗi cung ứng Dệt May từ Trung Quốc, Đài Loan và Hồng Kông sang Việt Nam. Điều này có tác động một phần đáng kể từ các hiệp định thương mại được thông qua gần đây gồm CPTPP và EVFTA, trong đó có ưu đãi thuế dành cho hàng hóa có xuất xứ Việt Nam. Các yếu tố quan trọng khác bao gồm sự căng thẳng trong quan hệ thương mại Mỹ - Trung, môi trường kinh doanh thuận lợi và sự ổn định về chính trị, kinh tế của Việt Nam.

Bên cạnh đó, các nhãn hàng lớn dành ưu tiên cho những đối tác kinh doanh có trách nhiệm về xã hội và môi trường. H&M, Levi Strauss, GAP and UNIQLO là những ví dụ về xu hướng hiện tại của ngành công nghiệp thời trang. Các nhà sản xuất ở Việt Nam cần lưu ý tới yếu tố này để tăng cường uy tín. Để đạt được tăng trưởng bền vững, điều cần thiết là phải mở rộng sản xuất sang bán thiết kế gốc và sản xuất thương hiệu gốc.

Mặt khác, với xu hướng trên thế giới sử dụng các sản phẩm xanh, vật liệu nano... đòi hỏi công nghệ sản xuất của ngành Dệt May Việt Nam phải đổi mới liên tục. Công nghệ thông tin về thu nhận và quản lý dữ liệu đã giúp cho quá trình nhuộm dần ít phụ thuộc vào kỹ năng của người lập đơn công nghệ, ổn định chất lượng mẻ nhuộm cũng như tăng cường tỷ lệ RFT (đúng ngay từ đầu). Nhiều nhà sản xuất đã đạt được tỉ lệ này ở mức 95-98% thay vì 70-80% khi không ứng dụng công nghệ thông tin. Với hoạt động của rô-bốt thì việc trải và cắt vải cũng giúp giảm nhân công tới 80% và tiết kiệm vật liệu 3%.

Ngành Dệt May được đánh giá là một ngành kinh tế có mức độ rủi ro môi trường và xã hội cao so với các ngành, lĩnh vực kinh tế khác do quá trình sản xuất cần phải khai thác, sử dụng và

xả thải một lượng nước lớn, đồng thời sử dụng nhiều năng lượng cho việc đun nóng, tạo ra hơi nước đã tác động lên nguồn nước và góp phần gia tăng khí phát thải nhà kính. Chính vì vậy, ngành Dệt May nằm trong số 20 ngành kinh tế đang được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn các tổ chức tín dụng đánh giá rủi ro về môi trường khi cấp tín dụng tại Sổ tay đánh giá các rủi ro môi trường và xã hội, ban hành tháng 8/2018. Vì vậy, ngành Dệt May cần xây dựng chiến lược phát triển ngành theo hướng xanh hóa sản xuất, BVMT, đáp ứng đầy đủ tiêu chí dự án đầu tư xanh theo quy định của Luật BVMT, làm cơ sở tiếp cận các chính sách tín dụng xanh hiệu quả.

Ngoài ra, các tổ chức hợp tác phát triển quốc tế cũng đang có những hỗ trợ mạnh mẽ cho ngành Dệt May cả về kỹ thuật, tài chính và chia sẻ thông tin, kiến thức chuyển đổi xanh hóa. Trong đó đáng chú ý là Dự án "Xanh hóa ngành Dệt May Việt Nam thông qua cải thiện quản lý nước và năng lượng bền vững" của Tổ chức Quốc tế về Bảo vệ Thiên nhiên (WWF) phối hợp với Hiệp hội Dệt May Việt Nam.

TRIỂN KHAI DỰ ÁN XANH HÓA NGÀNH DỆT MAY VIỆT NAM THÔNG QUA CẢI THIỆN QUẢN LÝ NƯỚC VÀ NĂNG LƯỢNG BỀN VỮNG

Từ năm 2018 tới nay, Dự án Xanh hóa ngành Dệt May Việt Nam thông qua cải thiện quản lý nước và năng lượng bền vững được triển khai với mục tiêu là chuyển đổi ngành Dệt May tại Việt Nam thông qua tham gia vào các chính

sách quản lý ngành và môi trường để mang lại lợi ích xã hội, kinh tế và BVMT cho Việt Nam. Hoạt động Dự án được thiết kế dựa theo bốn nhóm mục tiêu nhằm gắn kết các đối tác đa bên vào công tác quản lý sông ngòi, thực hành sản xuất tốt về nước và năng lượng, cải thiện cơ chế chính sách và đẩy mạnh các dự án đầu tư khả thi để huy động nguồn tài chính cho ngành.

Trong thời gian qua, Dự án đã tổ chức 20 hội thảo, tập huấn kỹ thuật chuyên sâu về tác động môi trường của ngành Dệt May, giải pháp công nghệ kỹ thuật để tăng hiệu suất sử dụng tài nguyên nước - năng lượng - hóa chất và giảm lưu lượng, tải lượng ô nhiễm nước xả thải và các module tập huấn theo bộ công cụ HIGG Index của Liên minh Dệt May bền vững (SAC). Tổng cộng trên 750 nhân viên từ trên 230 nhà máy dệt nhuộm, may, giặt tham gia các chương trình hội thảo huấn luyện.

Bên cạnh đó, Dự án cũng tổ chức hai cuộc khảo sát về tiêu thụ tài nguyên nước - năng lượng. Năm 2019, Dự án thực hiện khảo sát đối với 64 nhà máy may mặc và xác định mức tiêu thụ nước, năng lượng trung bình của một sản phẩm may mặc. Năm 2020, Dự án tiếp tục cuộc khảo sát 80 nhà máy dệt nhuộm để xác định mức tiêu thụ nước và năng lượng của ngành dệt nhuộm. Cuộc khảo sát đã xác định suất tiêu thụ năng lượng bình quân là 58 Megajoule(MJ)/1 kg vải cotton và 76 MJ/1 kg vải polyester; suất tiêu thụ nước bình quân là 110 lít/1 kg vải cotton và 69 lít/1 kg vải polyester.

Cũng trong năm 2019, Dự án đã tiến hành hỗ trợ 15 nhà

máy may mặc kiểm toán nước - năng lượng và xác định các giải pháp cơ hội cải thiện hiệu quả tài nguyên. Năm 2020 đến tháng 4/2021, Dự án tiếp tục hỗ trợ 23 nhà máy dệt nhuộm và giặt kiểm toán để xác định các cơ hội cải thiện hiệu quả tiêu thụ tài nguyên. Dự án đã hướng dẫn kỹ thuật và theo dõi quá trình thực hiện các giải pháp cải thiện của từng nhà máy. Ngoài ra, có 3 dự án đầu tư xanh khả thi được Dự án hỗ trợ kỹ thuật, liên quan đến thay thế máy giặt dung tỷ cao thành máy giặt dung tỷ thấp, áp dụng công nghệ Ozone và Eflow thay thế cho giặt tẩy truyền thống trên sản phẩm jeans. Khi thực hiện, nhà máy sẽ giảm được 54% lượng nước sử dụng của 1 doanh nghiệp giặt hàng denim (tương đương giảm 100.000 m³ nước/năm); 68% lượng than, tương đương 3.000 tấn; 11% lượng điện, tương đương 333.000 kWh; 24% lượng hóa chất, tương đương 235 tấn. Lượng khí thải carbon giảm là 53%, tương đương 5.600 tấn CO₂. Với tổng suất đầu tư là 1,6 triệu USD, dự án có tỷ suất hoàn vốn nội bộ là 28% đến 70% và thời gian hoàn vốn 4 năm.

Từ kết quả đánh giá nghiên cứu khả thi kỹ thuật và tài chính đầu tư, Dự án giúp doanh nghiệp tiếp cận các nguồn tín dụng ưu đãi của khối các ngân hàng thương mại. Đồng thời, các trường hợp đầu tư xanh được tổng hợp thành điển hình đầu tư chuyển đổi xanh của ngành Dệt May, làm thành tài liệu truyền thông tới các tổ chức tài chính/tín dụng cũng như cơ quan chính quyền địa phương để tăng khả năng tiếp cận vốn tín dụng và mở rộng cấp phép đầu tư cho toàn ngành. So với các dự án đầu tư khác, Dự án có các thông số tài chính tốt và hấp dẫn để ngân hàng thương mại cấp tín dụng. Với tác động giảm dấu chân sinh thái nêu trên, dự án đầu tư xanh giúp doanh nghiệp giảm giá thành sản xuất, duy trì lợi nhuận biên và đảm bảo tính cạnh tranh về lâu dài (do giá các loại tài nguyên như nước sẽ tăng mạnh khi nguồn nước trở nên khan hiếm). Các ngân hàng khi giải ngân tín dụng cho các dự án đầu tư xanh trong ngành Dệt May sẽ giúp xanh hóa danh mục cho vay.

ĐỀ XUẤT MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM THỨC ĐẨY XANH HÓA NGÀNH DỆT MAY

Trong những năm gần đây, Dệt May là một trong những ngành xuất khẩu quan trọng nhất của Việt Nam. Ngành cũng cung cấp việc làm ổn định cho một tỷ lệ lớn lực lượng lao động hiện có ở Việt Nam. Trong bối cảnh các FTA đã được thông qua giữa Việt Nam với các nước và khu

vực đối tác, ngành cần có những bước đi mạnh mẽ theo hướng tự chủ hơn trong nguồn cung nguyên liệu, đặc biệt là phát triển sản xuất vải trong nước để đáp ứng quy tắc xuất xứ của EVFTA. Cách duy nhất để thiết lập một lộ trình phát triển bền vững cho sản xuất vải và may mặc là thực sự tuân thủ các nguyên tắc và thực hành tốt nhất về BVMT, xanh hóa sản xuất, tiết kiệm tài nguyên không thể tái tạo như nước, năng lượng, sử dụng vật liệu tái chế và quản lý hóa chất hiệu quả.

Bên cạnh đó, ngành cần xây dựng nhân lực với tư duy phát triển bền vững. Phát triển nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quyết định của tầm nhìn xanh. Vì vậy, tăng cường tỷ lệ cán bộ kỹ thuật chuyên môn và công nhân lành nghề được đào tạo chuyên sâu về môi trường, áp dụng công nghệ 4.0 vào quy trình sản xuất để tự động hóa và số hóa quy trình sản xuất, nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm; Thiết lập các hoạt động đào tạo phát triển kỹ năng thông qua các lớp giáo dục nghề nghiệp và đào tạo kỹ thuật, hỗ trợ các công ty thực hiện trách nhiệm xã hội doanh nghiệp nhằm nâng cao kiến thức và năng lực của nhân viên về sản xuất bền vững.

Ở cấp Trung ương, các Bộ, ngành chức năng (Bộ Công Thương, TN&MT, Công An) cần rà soát và tham khảo các tiêu

chuẩn/yêu cầu quốc tế để thiết lập và cập nhật định kỳ các tiêu chuẩn và định mức của ngành về chất thải, tiêu thụ năng lượng, sử dụng nước, sử dụng vật liệu và hóa chất (danh mục các chất cấm sử dụng trong sản xuất, tuân thủ sức khỏe và an toàn) áp dụng cho các doanh nghiệp sản xuất trong ngành. Bên cạnh đó, kiểm tra và xử phạt nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật môi trường với sự phối hợp chặt chẽ giữa cảnh sát môi trường và cơ quan quản lý môi trường các địa phương; Xúc tiến áp dụng các thành tựu công nghệ 4.0, ví dụ tự động hóa, công nghệ thông tin hiệu quả; Cung cấp cơ chế hỗ trợ cho các nghiên cứu về vật liệu và hóa chất mới (có thể tái tạo hoặc có nguồn gốc tự nhiên) thay thế cho các vật liệu không bền vững và thiết kế vì sự bền vững trên cơ sở đánh giá vòng đời.

Nhà nước nên thiết lập kênh tài chính tín dụng xanh cho các ngành gây ô nhiễm môi trường lớn như dệt nhuộm, giấy, hóa chất. Đây là những ngành đóng góp giá trị lớn vào GDP, và tạo công ăn việc làm nên vẫn phải duy trì tốc độ tăng trưởng. Tuy vậy, nếu thiếu quản lý, điều tiết và cơ chế hỗ trợ chuyển đổi giảm tác động môi trường thì việc tăng trưởng sẽ gây hậu quả khôn lường về môi trường và xã hội. Tín dụng xanh ưu đãi là một trong những công cụ nhằm thúc đẩy các doanh nghiệp chuyển đổi xanh ■